

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2013	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2013	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2013	14 - 29

\*\*\*\*\*

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HẢI DƯƠNG

### BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

#### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vinafood I Hải Dương được thành lập theo Quyết định số 29/QĐ/CTCPTLSH-HĐQT ngày 30 tháng 3 năm 2007 của Công ty Cổ phần Lương thực Sông Hồng, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh và đăng ký thuế số 0800376668 ngày 24 tháng 4 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã hai lần thay đổi đăng ký kinh doanh, lần thứ hai là ngày 12 tháng 5 năm 2009.

*Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế: 11.200.000.000 VND*

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	7.876.000.000	70,32
Ông Nguyễn Đức Hùng	99.000.000	0,88
Ông Đỗ Xuân Thành	63.000.000	0,56
Ông Bùi Đức Dũng	93.000.000	0,83
Cổ đông khác	3.069.000.000	27,40
<b>Cộng</b>	<b>11.200.000.000</b>	<b>100</b>

#### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 151 đường Bạch Đằng, phường Trần Phú, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương  
Điện thoại : 0320 852 524  
Fax : 0320 852 524  
Mã số thuế : 0 8 0 0 3 7 6 6 6 8

#### Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinafood I Hải Dương tại Kim Thành	Phố Ga, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinafood I Hải Dương tại Gia Lộc	Thôn Phương Điểm, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinafood I Hải Dương tại Chí Linh	Phố Nguyễn Trãi, thị trấn Sao Đỏ, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinafood I Hải Dương tại Tiên Trung	Thôn Tiên Trung, xã Ái Quốc, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinafood I Hải Dương tại Thanh Miện	Khu A, thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương

*Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế:*

- Mua bán và xuất nhập khẩu lương thực, nông, lâm, hải sản và vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Xây xát, chế biến lương thực, nông sản, thực phẩm;
- Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm;
- Mua bán vật liệu xây dựng; mua bán hàng kim khí, điện máy;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu, gas, bếp gas, chất đốt;

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HẢI DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh khu vui chơi giải trí;
- Sản xuất và mua bán bao bì;
- Đại lý bán ô tô, xe máy, thiết bị phụ tùng, bộ phận phụ trợ xe ô tô, xe máy;
- Dịch vụ bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa ô tô, xe máy;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Mua bán hàng hóa: văn phòng phẩm, vải, sợi, hàng may mặc, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm và chất tẩy rửa;
- Mua bán rượu bia, nước giải khát;
- Dịch vụ cho thuê tài sản./.

### Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 7 đến trang 29).

### Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Văn Sơn	Chủ tịch	15 tháng 5 năm 2013	
Ông Nguyễn Đức Hùng	Chủ tịch		15 tháng 5 năm 2013
Ông Nguyễn Đức Hùng	Ủy viên	15 tháng 5 năm 2013	
Ông Đỗ Xuân Thành	Ủy viên		

#### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đặng Đức Thanh	Trưởng ban
Ông Phạm Văn Đạm	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Tứ	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đức Hùng	Giám đốc	
Ông Phạm Văn Sơn	Phó Giám đốc	15 tháng 5 năm 2013
Ông Đỗ Xuân Thành	Phó Giám đốc	

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HẢI DƯƠNG**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinafood I Hải Dương tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



**Nguyễn Đức Hùng**

Ngày 25 tháng 3 năm 2014



**BAKER TILLY  
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City  
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khánh Du St., Nha Trang City  
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City  
www.a-c.com.vn

Số: 183/2014/BCTC-KTTV-KT3

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HẢI DƯƠNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Vinafood I Hải Dương, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2014, từ trang 7 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinafood I Hải Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2014

**Lê Văn Khoa - Kiểm toán viên**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 151 phố Bạch Đằng, phường Trần Phú, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>22.982.512.707</b>	<b>29.068.056.657</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>2.284.558.741</b>	<b>3.795.577.209</b>
1. Tiền	111		2.284.558.741	3.795.577.209
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.975.074.204</b>	<b>16.117.859.126</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	3.948.789.860	15.994.984.482
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	26.284.344	122.874.644
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>16.208.610.175</b>	<b>8.991.218.177</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	16.792.405.651	9.699.789.976
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.5	(583.795.476)	(708.571.799)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>514.269.587</b>	<b>163.402.145</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		23.647.910	16.516.004
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		402.615.745	56.067.957
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.6	29.005.932	30.818.184
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	59.000.000	60.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 151 phố Bạch Đằng, phường Trần Phú, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.090.777.421</b>	<b>4.156.004.826</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.888.468.016</b>	<b>3.100.574.826</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	2.888.468.016	3.100.574.826
<i>Nguyên giá</i>	222		9.642.701.727	10.372.659.236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(6.754.233.711)	(7.272.084.410)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>913.290.587</b>	<b>1.055.430.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.9	1.055.430.000	1.055.430.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.10	(142.139.413)	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>289.018.818</b>	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	289.018.818	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>27.073.290.128</b>	<b>33.224.061.483</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 151 phố Bạch Đằng, phường Trần Phú, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>14.346.444.667</b>	<b>20.756.596.345</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.572.201.180</b>	<b>20.014.201.355</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	7.667.360.625	10.989.353.000
2. Phải trả người bán	312	V.13	4.884.950.969	6.488.003.794
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	27.233.644	280.101.344
5. Phải trả người lao động	315		178.552.725	-
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	814.020.043	2.228.280.043
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.16	83.174	28.463.174
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>774.243.487</b>	<b>742.394.990</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.17	575.895.000	575.895.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.18	198.348.487	166.499.990
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>12.726.845.461</b>	<b>12.467.465.138</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>12.726.845.461</b>	<b>12.467.465.138</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		11.200.000.000	11.200.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		973.711.608	973.711.608
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		251.013.815	251.013.815
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		302.120.038	42.739.715
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>27.073.290.128</b>	<b>33.224.061.483</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 151 phố Bạch Đằng, phường Trần Phú, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:		-	-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hương

Kế toán trưởng

Phạm Hưng Long

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2014



Nguyễn Đức Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HÀI DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 151 phố Bạch Đằng, phường Trần Phú, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	156.417.258.148	178.666.571.092
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		156.417.258.148	178.666.571.092
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	147.712.157.881	170.401.232.666
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.705.100.267	8.265.338.426
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.750.539	24.397.618
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	733.515.974	1.707.139.278
Trong đó: chi phí lãi vay	23		591.376.561	1.707.139.278
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	4.969.391.217	5.294.495.133
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	2.711.180.335	2.079.598.399
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		306.763.280	(791.496.766)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	108.426.772	1.038.330.432
12. Chi phí khác	32		52.012.216	195.027.951
13. Lợi nhuận khác	40		56.414.556	843.302.481
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		363.177.836	51.805.715
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		103.797.513	9.066.000
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>259.380.323</u>	<u>42.739.715</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>232</u>	<u>38</u>

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hương

Kế toán trưởng



Phạm Hưng Long



Nguyễn Đức Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HÀI DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 151 phố Bạch Đằng, phường Trần Phú, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	363.177.836	51.805.715
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	359.451.628	275.347.089
- Các khoản dự phòng	03	17.363.090	408.571.799
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.363.637)	(11.920.000)
- Chi phí lãi vay	06	591.376.561	1.707.139.278
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.325.005.478	2.430.943.881
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	11.797.237.134	(10.559.416.903)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(7.092.615.675)	12.022.625.283
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(3.059.779.303)	3.878.309.815
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(7.131.906)	(1.402.370)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(591.376.561)	(1.707.139.278)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(101.985.261)	(86.118.357)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(28.380.000)	(75.907.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.240.973.906</b>	<b>5.901.895.071</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(436.363.636)	(519.833.194)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	6.363.637	11.920.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(429.999.999)</b>	<b>(507.913.194)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 151 phố Bạch Đằng, phường Trần Phú, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		35.204.386.225	55.735.031.170
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(38.526.378.600)	(58.674.823.170)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(952.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.321.992.375)</b>	<b>(3.891.792.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(1.511.018.468)</b>	<b>1.502.189.877</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>3.795.577.209</b>	<b>2.293.387.332</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>2.284.558.741</b>	<b>3.795.577.209</b>

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hương

Kế toán trưởng



Phạm Hưng Long

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2014



Nguyễn Đức Hùng

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 151 phố Bạch Đằng, phường Trần Phú, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Năm 2013**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Mua bán và xuất nhập khẩu lương thực, nông, lâm, hải sản và vật tư nông nghiệp; đại lý kinh doanh xăng dầu; mua bán rượu bia, nước giải khát; dịch vụ cho thuê tài sản
4. **Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 79 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 89 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 151 phố Bạch Đằng, phường Trần Phú, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc và thiết bị	08 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 151 phố Bạch Đằng, phường Trần Phú, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

#### 6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### 7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### 8. Chi phí trả trước dài hạn

*Chi phí xây dựng nhà kho, nhà làm việc, công cụ dụng cụ*

Chi phí xây dựng nhà kho, nhà làm việc, công cụ dụng cụ được phân loại từ tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá và phân bổ vào chi phí trong thời gian không quá 3 năm.

#### 9. Nguồn vốn kinh doanh

*Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### 10. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### 11. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

#### 12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 151 phố Bạch Đằng, phường Trần Phú, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá***

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **14. Tài sản tài chính**

#### ***Phân loại tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 151 phố Bạch Đằng, phường Trần Phú, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

#### *Các khoản phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### **15. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### **16. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD 1 HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 151 phố Bạch Đằng, phường Trần Phú, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.192.403.600	2.158.503.856
Tiền gửi ngân hàng	1.092.155.141	1.637.073.353
Cộng	<u>2.284.558.741</u>	<u>3.795.577.209</u>

##### 2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc		4.611.222.000
Công ty cổ phần Vinafood 1 Sơn La	309.104.156	309.104.156
Khách hàng khác	3.639.685.704	11.074.658.326
Cộng	<u>3.948.789.860</u>	<u>15.994.984.482</u>

##### 3. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bảo hiểm xã hội	24.664.454	
Lệ phí xăng dầu		122.874.644
Phải thu khác	1.619.890	
Cộng	<u>26.284.344</u>	<u>122.874.644</u>

##### 4. Hàng tồn kho

Là hàng hóa còn tồn kho.

##### 5. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Là dự phòng cho hàng hóa tồn kho. Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	708.571.799	300.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung		408.571.799
Hoàn nhập dự phòng	(124.776.323)	
Số cuối năm	<u>583.795.476</u>	<u>708.571.799</u>

##### 6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

##### 7. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng cho nhân viên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 151 phố Bạch Đằng, phường Trần Phú, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	8.692.044.822	563.460.239	770.990.698	346.163.477	10.372.659.236
Mua sắm mới	436.363.636				436.363.636
Thanh lý, nhượng bán			(28.470.000)	(14.550.000)	(43.020.000)
Giảm do không đủ tiêu chuẩn theo TT45	(486.078.848)	(150.165.002)	(187.503.727)	(299.553.568)	(1.123.301.145)
<b>Số cuối năm</b>	<b>8.642.329.610</b>	<b>413.295.237</b>	<b>555.016.971</b>	<b>32.059.909</b>	<b>9.642.701.727</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.312.114.740	36.905.300	555.016.971	32.059.909	1.936.096.920
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	5.774.040.014	492.559.919	770.990.698	234.493.779	7.272.084.410
Khấu hao trong năm	280.630.662	46.297.679		32.523.287	359.451.628
Thanh lý, nhượng bán			(28.470.000)	(14.550.000)	(43.020.000)
Giảm do không đủ tiêu chuẩn theo TT45	(276.206.441)	(150.165.002)	(187.503.727)	(220.407.157)	(834.282.327)
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.778.464.235</b>	<b>388.692.596</b>	<b>555.016.971</b>	<b>32.059.909</b>	<b>6.754.233.711</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	2.918.004.808	70.900.320		111.669.698	3.100.574.826
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.863.865.375</b>	<b>24.602.641</b>			<b>2.888.468.016</b>

**9. Đầu tư dài hạn khác**

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần phân phối - bán lẻ VNF1 với số lượng là 105.543 cổ phiếu, giá trị là 1.055.430.000 VND.

**10. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

Là khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần phân phối - bán lẻ VNF1

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

Là tài sản nguyên giá dưới 30.000.000 VND phân loại lại cuối năm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013, chi tiết gồm:

	Số cuối năm
Nhà kho, nhà làm việc	175.762.496
Công cụ dụng cụ	113.256.322
<b>Cộng</b>	<b>289.018.818</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 151 phố Bạch Đằng, phường Trần Phú, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****12. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	7.667.360.625	10.989.353.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Hải Dương</i>		9.196.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) – Chi nhánh Hải Dương</i>	7.667.360.625	1.793.353.000
<b>Cộng</b>	<b>7.667.360.625</b>	<b>10.989.353.000</b>
<i>Chi tiết số phát sinh về các khoản vay</i>		
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.989.353.000	13.929.145.000
Số tiền vay phát sinh	35.204.386.225	55.735.031.170
Số tiền vay đã trả	(38.526.378.600)	(58.674.823.170)
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.667.360.625</b>	<b>10.989.353.000</b>

**13. Phải trả người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Tiên Thành Phát		4.071.879.000
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Lịch	4.216.975.000	
Công ty Cổ phần Vật tư Xây dựng Hải Dương	667.975.969	
Công ty TNHH Trần Phúc Hưng		446.526.675
Phải trả người bán khác		1.969.598.119
<b>Cộng</b>	<b>4.884.950.969</b>	<b>6.488.003.794</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	280.101.344	516.356.567	769.224.267	27.233.644
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(30.818.184)	103.797.513	101.985.261	(29.005.932)
Thuế thu nhập cá nhân		1.959.243	1.959.243	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		1.121.802.339	1.121.802.339	
Các loại thuế khác		8.000.000	8.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>249.283.160</b>	<b>1.751.915.662</b>	<b>2.002.971.110</b>	<b>(1.772.288)</b>

Trong đó:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	(29.005.932)	(30.818.184)
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	27.233.644	280.101.344
<b>Cộng</b>	<b>(1.772.288)</b>	<b>249.283.160</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5% với hàng nông sản, phục vụ sản xuất nông nghiệp, 10% với hàng hóa dịch vụ khác



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 151 phố Bạch Đằng, phường Trần Phú, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%..

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	363.177.836	51.805.715
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	52.012.216	
- Các khoản điều chỉnh tăng	52.012.216	
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	415.190.052	51.805.715
Thu nhập tính thuế	415.190.052	51.805.715
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>103.797.513</b>	<b>12.951.429</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm theo Thông tư 140/TT-BTC</b>		<b>(3.885.429)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>103.797.513</b>	<b>9.066.000</b>

**Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích đất đang sử dụng tại Văn phòng và các chi nhánh theo thông báo của cơ quan thuế.

**Thuế nhà đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay cá nhân không tính lãi	430.000.000	1.844.260.000
Phải trả, phải nộp khác	384.020.043	384.020.043
<b>Cộng</b>	<b>814.020.043</b>	<b>2.228.280.043</b>

**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	28.463.174	44.870.174
Tăng do trích lập từ lợi nhuận		59.500.000
Chi quỹ	(28.380.000)	(75.907.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>83.174</b>	<b>28.463.174</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 151 phố Bạch Đằng, phường Trần Phú, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****17. Phải trả dài hạn khác**

Là chênh lệch do góp vốn bằng tài sản vào đơn vị khác.

**18. Doanh thu chưa thực hiện**

Là doanh thu nhận trước về cho thuê nhà, thuê kho.

**19. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	11.200.000.000	848.252.213	191.513.815	1.196.459.395	13.436.225.423
Lợi nhuận trong năm trước				42.739.715	42.739.715
Trích lập các quỹ trong năm trước		125.459.395	59.500.000	(244.459.395)	(59.500.000)
Chia cổ tức năm trước				(952.000.000)	(952.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>11.200.000.000</b>	<b>973.711.608</b>	<b>251.013.815</b>	<b>42.739.715</b>	<b>12.467.465.138</b>
Số dư đầu năm nay	11.200.000.000	973.711.608	251.013.815	42.739.715	12.467.465.138
Lợi nhuận trong năm nay				259.380.323	259.380.323
Trích lập các quỹ trong năm nay					
Chia cổ tức năm nay					
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>11.200.000.000</b>	<b>973.711.608</b>	<b>251.013.815</b>	<b>302.120.038</b>	<b>12.726.845.461</b>

**Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.120.000	1.120.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.120.000	1.120.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.120.000	1.120.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng lương thực	100.096.280.735	128.410.147.825
Doanh thu ngoài lương thực	56.320.977.413	50.256.423.267
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>156.417.258.148</b>	<b>178.666.571.092</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 151 phố Bạch Đằng, phường Trần Phú, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng lương thực	96.565.869.177	124.525.442.579
Giá vốn ngoài lương thực	51.271.065.027	45.467.218.288
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(124.776.323)	408.571.799
<b>Cộng</b>	<b>147.712.157.881</b>	<b>170.401.232.666</b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	15.750.539	19.706.644
Lãi bán hàng trả chậm		4.690.974
<b>Cộng</b>	<b>15.750.539</b>	<b>24.397.618</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	591.376.561	1.707.139.278
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	142.139.413	
<b>Cộng</b>	<b>733.515.974</b>	<b>1.707.139.278</b>

#### 5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.517.453.831	3.596.345.308
Chi phí vật liệu, bao bì	20.365.700	301.500.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	63.875.200	4.019.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	307.878.862	250.468.701
Chi phí dịch vụ mua ngoài	549.272.467	588.491.750
Chi phí bằng tiền khác	510.545.157	553.670.374
<b>Cộng</b>	<b>4.969.391.217</b>	<b>5.294.495.133</b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.269.081.852	714.137.277
Chi phí đồ dùng văn phòng	66.776.271	59.742.979
Chi phí khấu hao TSCĐ	51.572.766	24.878.388
Thuế, phí và lệ phí	1.057.281.339	1.053.918.339
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.092.831	66.949.566
Chi phí bằng tiền khác	226.375.276	159.971.850
<b>Cộng</b>	<b>2.711.180.335</b>	<b>2.079.598.399</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 151 phố Bạch Đằng, phường Trần Phú, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	6.363.637	11.920.000
Thu nhập từ hoạt động liên doanh	102.000.000	
Tiền thu từ đền bù giải phóng mặt bằng		865.655.919
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm		57.770.000
Thu nhập khác	63.135	102.984.513
<b>Cộng</b>	<b>108.426.772</b>	<b>1.038.330.432</b>

#### 8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	2.012.216	
Chi phí khác	50.000.000	195.027.951
<b>Cộng</b>	<b>52.012.216</b>	<b>195.027.951</b>

#### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	259.380.323	42.739.715
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	259.380.323	42.739.715
Cổ ưu đãi phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.120.000	1.120.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>232</b>	<b>38</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	332.969.090	258.408.855

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

**Bên liên quan**

Tổng Công ty lương thực Miền Bắc (VNF1)

Công ty Cổ phần phân phối - bán lẻ VNF1

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ

Công ty con của VNF1

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 151 phố Bạch Đằng, phường Trần Phú, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội	Công ty con của VNF1
Công ty Cổ phần Xây dựng và chế biến lương thực Vĩnh Hà	Công ty con của VNF1
Công ty cổ phần chế biến Kinh doanh Lương thực - Thực phẩm Hà Nội	Công ty con của VNF1
Công ty Cổ phần Lương thực Hồng Hà	Công ty con của VNF1
Công ty Cổ phần Lương thực Đông Anh	Công ty con của VNF1
Công ty cổ phần Lương thực Cao Lạng	Công ty con của VNF1
Công ty cổ phần Lương thực Yên Bái	Công ty con của VNF1
Công ty Cổ phần Lương thực Lào Cai	Công ty con của VNF1
Công ty cổ phần Vinafood 1 Sơn La	Công ty con của VNF1
Công ty cổ phần Vinafood 1 Điện Biên	Công ty con của VNF1
Công ty cổ phần Lương thực Thái Nguyên	Công ty con của VNF1
Công ty cổ phần Lương thực Tuyên Quang	Công ty con của VNF1
Công ty cổ phần Lương thực Hà Giang	Công ty con của VNF1
Công ty cổ phần Lương thực và thương mại Phú Thọ	Công ty con của VNF1
Công ty cổ phần Lương thực và thương mại Vĩnh Phúc	Công ty con của VNF1
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Bắc	Công ty con của VNF1
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Sơn Bình	Công ty con của VNF1
Công ty Cổ phần Lương thực Đông Bắc	Công ty con của VNF1
Công ty Cổ phần Lương thực Sông Hồng	Công ty con của VNF1
Công ty Cổ phần Vinafood 1 Hải Dương	Công ty con của VNF1
Công ty Cổ phần Vinafood 1 Hưng Yên	Công ty con của VNF1
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam	Công ty con của VNF1
Công ty Cổ phần Lương thực Ninh Bình	Công ty con của VNF1
Công ty Cổ phần Lương thực Nam Định	Công ty con của VNF1
Công ty Cổ phần Lương thực Thanh Hoá	Công ty con của VNF1
Công ty Cổ phần Lương thực Thanh Nghệ Tĩnh	Công ty con của VNF1
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bao bì Lương thực	Công ty con của VNF1
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Tĩnh	Công ty con của VNF1
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Trị Thiên	Công ty con của VNF1
Công ty TNHH MVT Lương thực Lương Yên	Công ty con của VNF1
Công ty TNHH MVT Muối Việt Nam	Công ty con của VNF1

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng Công ty lương thực Miền Bắc (VNF1)</b>		
Bán hàng hóa	23.644.640.000	34.951.271.500
Mua hàng hóa	16.701.007.619	8.832.500.000
Phí làm hàng xuất khẩu		111.586.500
Cổ tức chi trả		669.460.000
<b>Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNF1</b>		
Bán hàng hóa		857.142.857
Mua hàng hóa		1.212.704.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 151 phố Bạch Đằng, phường Trần Phú, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuê kho	155.704.000	
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội</i>		
Bán hàng hóa	563.578.500	
Mua hàng hóa		4.050.000.000
<i>Công ty Cổ phần Lương thực Thái Nguyên</i>		
Bán hàng hóa		1.724.000.000
Mua hàng hóa	2.932.215.000	1.720.000.000
<i>Công ty Cổ phần Lương thực và Thương mại Vĩnh Phúc</i>		
Mua hàng hóa		2.088.072.000
<i>Công ty Cổ phần Lương thực Sông Hồng</i>		
Bán hàng hóa	4.492.000.000	3.592.216.500
Mua hàng hóa	2.945.427.850	4.973.900.000
<i>Công ty Cổ phần Vinafood 1 Hưng Yên</i>		
Bán hàng hóa	6.171.659.400	5.602.747.900
Mua hàng hóa	1.544.620.000	1.689.000.000
<i>Công ty Cổ phần Lương thực Thanh Hoá</i>		
Bán hàng hóa	410.000.000	1.305.000.000
Mua hàng hóa	1.305.000.000	
<i>Công ty Cổ phần Kinh doanh Bao bì Lương thực</i>		
Mua bao bì		305.821.500
<i>Công ty cổ phần Lương thực và thương mại Vĩnh Phúc</i>		
Mua hàng hóa	1.019.741.431	
<i>Công ty TNHH MVT Lương thực Lương Yên</i>		
Bán hàng hóa	1.220.000.000	
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc (VNFI)</i>		<b>4.611.222.000</b>
Phải thu về bán hàng		4.611.222.000
<i>Công ty cổ phần Vinafood 1 Sơn La</i>		
Phải thu lãi chậm trả	309.104.156	309.104.156
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>309.104.156</b>	<b>4.920.326.156</b>
<i>Công ty Cổ phần phân phối - bán lẻ VNFI</i>		<b>36.570.400</b>
Phải trả về mua hàng		36.570.400
<b>Cộng nợ phải trả</b>		<b>36.570.400</b>

**2. Quản lý rủi ro tài chính****Tổng quan**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 151 phố Bạch Đằng, phường Trần Phú, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

#### **Phải thu khách hàng**

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

#### **Tiền gửi ngân hàng**

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.3 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	7.667.360.625			7.667.360.625
Phải trả người bán	4.884.950.969			4.884.950.969
Các khoản phải trả khác	814.020.043			814.020.043
<b>Cộng</b>	<b>13.366.331.637</b>			<b>13.366.331.637</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	10.989.353.000			10.989.353.000
Phải trả người bán	6.488.003.794			6.488.003.794
Các khoản phải trả khác	1.919.175.887			1.919.175.887
<b>Cộng</b>	<b>19.396.532.681</b>			<b>19.396.532.681</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOOD I HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 151 phố Bạch Đằng, phường Trần Phú, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### 3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

#### Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.284.558.741		3.795.577.209		2.284.558.741	3.795.577.209
Phải thu khách hàng	3.948.789.860		15.994.984.482		3.948.789.860	15.994.984.482
Các khoản phải thu khác	1.619.890		122.874.644		1.619.890	122.874.644
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.055.430.000	(142.139.413)	1.055.430.000		913.290.587	1.055.430.000
<b>Cộng</b>	<b>7.290.398.491</b>	<b>(142.139.413)</b>	<b>20.968.866.335</b>		<b>7.148.259.078</b>	<b>20.968.866.335</b>

U.B.N. D. PHƯƠNG TRẦN PHÚ  
CHỨNG THỰC BẢN SAO  
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
SỐ QUYỀN... 01 SỐ TT... 8.92  
Ngày 20 tháng 8 năm 2014

#### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	7.667.360.625	10.989.353.000	7.667.360.625
Phải trả người bán	4.884.950.969	6.488.003.794	4.884.950.969	6.488.003.794
Các khoản phải trả khác	814.020.043	1.919.175.887	814.020.043	1.919.175.887
<b>Cộng</b>	<b>13.366.331.637</b>	<b>19.396.532.681</b>	<b>13.366.331.637</b>	<b>19.396.532.681</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hương

Kế toán trưởng

Phạm Hưng Long

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2013

Giám đốc



Nguyễn Đức Hùng

